

**KẾT QUẢ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
ĐIỂM THI 28 - THPT NGUYỄN HIỀN**

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
1	811655	1	Bạch Thanh An	20	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
2	811656	1	Lê Huỳnh Khánh An	6	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
3	811657	1	Lê Nguyễn Minh An	14	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
4	811658	1	Lý Gia An	27	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.0	Trung bình
5	811659	1	Nguyễn Ngọc Trường An	14	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
6	811660	1	Nguyễn Như Phước An	8	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
7	811661	1	Nguyễn Thành An	23	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
8	811662	1	Nguyễn Trần Duy An	6	4	2005	Phú Yên	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
9	811663	1	Nguyễn Văn An	19	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.0	Trung bình
10	811664	1	Tạ Thị Trường An	3	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
11	811665	1	Trần Phương An	23	9	2005	Cần Thơ	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
12	811666	1	Vàng Ngọc Phúc An	19	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
13	811667	1	Vũ Nguyễn Vỹ An	27	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
14	811668	1	Bùi Nguyễn Tú Anh	30	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
15	811669	1	Cao Duy Anh	25	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
16	811670	1	Châu Quế Anh	16	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
17	811671	1	Hà Lan Anh	18	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
18	811672	1	Hoa Thạch Anh	3	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
19	811673	1	Hồ Tuấn Anh	21	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
20	811674	1	Huỳnh Nguyễn Tiến Anh	21	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
21	811675	1	Khương Hồng Anh	25	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
22	811676	1	Lê Phúc Phương Anh	15	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
23	811677	1	Lê Quang Tấn Anh	8	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
24	811678	1	Nguyễn Chu Quỳnh Anh	4	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
25	811679	1	Nguyễn Hà Ngọc Anh	15	5	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
26	811680	1	Nguyễn Hải Anh	13	4	2005	Khánh Hòa	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
27	811681	1	Nguyễn Hồ Mai Anh	4	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
28	811682	1	Nguyễn Lê Phương Anh	19	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
29	811683	2	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	16	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
30	811684	2	Nguyễn Ngọc Minh Anh	10	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
31	811685	2	Nguyễn Ngọc Phương Anh	10	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
32	811686	2	Nguyễn Ngọc Sơn Anh	29	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
33	811687	2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	20	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
34	811688	2	Nguyễn Phương Anh	6	2	2005	Hà Tây	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
35	811689	2	Nguyễn Thụy Trâm Anh	7	10	2005	Bình Thuận	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
36	811690	2	Nguyễn Trần Khuê Anh	12	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
37	811691	2	Nguyễn Trần Mẫn Anh	20	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.0	Trung bình
38	811692	2	Nguyễn Vân Anh	5	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
39	811693	2	Ông Hồng Quốc Anh	13	6	2005	Trà Vinh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
40	811694	2	Phạm Ngọc Lan Anh	11	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
41	811695	2	Phạm Nguyên Anh	17	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
42	811696	2	Phan Duy Nhất Anh	11	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
43	811697	2	Thái Hoàng Anh	26	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
44	811698	2	Thái Ngọc Trâm Anh	10	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
45	811699	2	Trang Quỳnh Anh	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
46	811700	2	Trần Nguyễn Vân Anh	9	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
47	811701	2	Trần Thiên Anh	20	1	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
48	811702	2	Trịnh Thị Minh Anh	4	7	2005	Hải Phòng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
49	811703	2	Võ Minh Anh	13	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
50	811704	2	Võ Thái Vân Anh	23	11	2005	Đà Nẵng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
51	811705	2	Võ Trần Hoàng Anh	8	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
52	811706	2	Vương Bảo Anh	28	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
53	811707	2	Vương Trần Tuấn Anh	6	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
54	811708	2	Nguyễn Ngọc Ánh	20	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
55	811709	2	Tổng Thị Ngọc Ánh	8	12	2005	Gia Lai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
56	811710	2	Trương Hồng Ngọc Ánh	18	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
57	811711	3	Bùi Ngọc Thiên Ân	21	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
58	811712	3	Luân Hoài Ân	30	10	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
59	811713	3	Lư Mỹ Ân	22	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
60	811714	3	Lương Gia Ân	4	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
61	811715	3	Ngô Ngọc Ân	12	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
62	811716	3	Nguyễn Gia Ân	8	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
63	811717	3	Nguyễn Thiên Ân	9	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
64	811718	3	Phạm Gia Ân	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
65	811719	3	Trần Bội Ân	12	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
66	811720	3	Trần Tuyết Ân	30	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
67	811721	3	Trương Gia Ân	19	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
68	811722	3	Trương Thiên Ân	24	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
69	811723	3	Huy Hải Bách	14	5	2005	Hà Nội	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
70	811724	3	Nguyễn Hoàng Bách	14	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	5.8	Trung bình
71	811725	3	Trần Huỳnh Việt Bách	20	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
72	811726	3	Hà Đặng Trí Bảo	5	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
73	811727	3	Hoàng Gia Bảo	18	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
74	811728	3	Lê Quang Gia Bảo	18	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
75	811729	3	Lưu Gia Bảo	28	6	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
76	811730	3	Nguyễn Đình Quốc Bảo	29	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
77	811731	3	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	3	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
78	811732	3	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	31	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
79	811733	3	Nguyễn Mai Gia Bảo	17	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
80	811734	3	Nguyễn Trần Gia Bảo	28	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
81	811735	3	Phạm Nguyên Bảo	27	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
82	811736	3	Phạm Quốc Bảo	18	6	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
83	811737	3	Tô Gia Bảo	5	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
84	811738	3	Tổng Quốc Bảo	21	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
85	811739	4	Trần Văn Quốc Bảo	14	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
86	811740	4	Lê Thị Ngọc Bích	22	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
87	811741	4	Dương Bảo Bình	15	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.4	Trung bình
88	811742	4	Hoàng Đức Bình	2	8	2005	Nghệ An	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
89	811743	4	Hồ Hân Bình	12	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
90	811744	4	Nguyễn Đỗ Bình	16	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
91	811745	4	Nguyễn Hải Bình	27	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
92	811746	4	Nguyễn Vĩnh Bình	15	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
93	811747	4	Diệp Gia Bội	16	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
94	811748	4	Trần Gia Bội	20	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
95	811749	4	Dương Lý Gia Bửu	14	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.8	Giỏi
96	811750	4	Tchion Minh Cảnh	20	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
97	811751	4	Nguyễn Viết Chánh	20	11	2005	Đồng Tháp	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
98	811752	4	Diệp Ngọc Châu	22	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
99	811753	4	Lai Ngọc Tú Châu	6	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
100	811754	4	Nguyễn Đoàn Ngọc Châu	1	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
101	811755	4	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	6	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
102	811756	4	Nguyễn Ngọc Minh Châu	25	1	2005	Bạc Liêu	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
103	811757	4	Trần Nguyên Minh Châu	20	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
104	811758	4	Trần Phụng Châu	3	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
105	811759	4	Vũ Minh Châu	8	1	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
106	811760	4	Hồ Hoàng Quỳnh Chi	1	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
107	811761	4	Nguyễn Thảo Chi	17	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
108	811762	4	Trần Hải Chuyên	26	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
109	811763	4	Lê Mỹ Cúc	25	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
110	811764	4	Trần Gia Cường	16	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
111	811765	4	Trần Hải Cường	14	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
112	811766	4	Đình Công Danh	4	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
113	811767	5	Đỗ Tấn Danh	12	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
114	811768	5	Mai Thành Danh	10	11	2005	Bình Phước	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
115	811769	5	Tạ Đình Danh	20	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
116	811770	5	Dương Bạch Ngọc Diễm	10	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
117	811771	5	Huỳnh Thúy Diễm	14	11	2005	Gia Lai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.6	Trung bình
118	811772	5	Nguyễn Thị Phương Diễm	6	7	1900	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
119	811773	5	Đình Trần Ngọc Diệp	10	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
120	811774	5	Trần Tú Diệp	2	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
121	811775	5	Đặng Tuyết Doanh	22	5	2005	Cần Thơ	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
122	811776	5	Nguyễn Khả Doanh	22	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
123	811777	5	Thái Ngọc Doanh	7	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
124	811778	5	Trần Thị Mỹ Dung	30	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
125	811779	5	Dương Văn Quốc Dũng	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
126	811780	5	Lê Tuấn Dũng	27	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
127	811781	5	Phan Nguyễn Nhật Dũng	28	11	2005	Bình Định	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
128	811782	5	Tạ Trí Dũng	12	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
129	811783	5	Võ Nguyễn Hùng Dũng	8	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
130	811784	5	Dương Hoàng Anh Duy	14	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
131	811785	5	Đỗ Vĩ Duy	27	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
132	811786	5	Huỳnh Bảo Duy	7	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
133	811787	5	Lê Đình Hải Duy	30	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.8	Giỏi
134	811788	5	Lê Trần Minh Duy	24	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
135	811789	5	Nguyễn Nhất Duy	4	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
136	811790	5	Nguyễn Trung Duy	24	10	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
137	811791	5	Nguyễn Tuấn Duy	22	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
138	811792	5	Trần Bảo Duy	13	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
139	811793	5	Trần Hoàng Duy	11	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
140	811794	5	Võ Bích Duyên	4	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
141	811795	6	Tạ Phước Dư	27	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
142	811796	6	Châu Vịnh Đào	21	8	2005	Bến Tre	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
143	811797	6	Chènh Hưng Đạt	11	11	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
144	811798	6	Hà Văn Thành Đạt	28	1	2005	Đồng Tháp	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
145	811799	6	Huỳnh Tấn Đạt	4	7	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
146	811800	6	Lâm Vinh Đạt	8	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
147	811801	6	Lê Thành Đạt	5	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
148	811802	6	Nguyễn Công Quốc Đạt	28	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
149	811803	6	Nguyễn Đức Đạt	17	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
150	811804	6	Nguyễn Thành Đạt	25	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.0	Trung bình
151	811805	6	Nguyễn Tuấn Đạt	3	3	2005	Bình Định	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
152	811806	6	Phạm Nguyễn Lê Đạt	12	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
153	811807	6	Phuôn Phát Đạt	27	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
154	811808	6	Trần Nguyễn Tiến Đạt	12	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
155	811809	6	Vương Kiệt Đạt	12	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
156	811810	6	Nguyễn Ngọc Hải Đăng	19	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
157	811811	6	Nguyễn Trùng Hải Đăng	27	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
158	811812	6	Hứa Khắc Điền	23	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
159	811813	6	Ngô Bảo Điền	5	9	2005	Kiên Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.8	Giỏi
160	811814	6	Lương Thanh Minh Định	16	10	2005	Khánh Hòa	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
161	811815	6	Nguyễn Phúc Đoàn	2	8	2005	Quảng Ngãi	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
162	811816	6	Huỳnh Quốc Đông	11	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.8	Giỏi
163	811817	6	Lê Giang Đông	11	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
164	811818	6	Lê Trọng Đức	16	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.6	Trung bình
165	811819	6	Nguyễn Thiện Đức	29	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
166	811820	6	Trần Quý Đức	8	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
167	811821	6	Vũ Nguyễn Minh Đức	25	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
168	811822	6	Hoàng Hà Giang	31	7	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
169	811823	7	Nguyễn Hương Giang	20	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
170	811824	7	Trần Cẩm Giang	15	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
171	811825	7	Vũ Quỳnh Giang	11	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
172	811826	7	Nguyễn Đặng Quỳnh Giao	20	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
173	811827	7	Thiều Quỳnh Giao	6	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
174	811828	7	Cao Thanh Hà	18	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
175	811829	7	Võ Thị Thanh Hà	15	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
176	811830	7	Vũ Thị Thu Hà	1	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
177	811831	7	Huỳnh Trí Hải	20	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
178	811832	7	Trần Quốc Hải	21	2	2005	Đồng Nai	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
179	811833	7	Trần Trung Hải	17	10	2005	Long An	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
180	811834	7	Nguyễn Huỳnh Minh Hạnh	16	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
181	811835	7	Huỳnh Chí Hào	19	5	2005	An Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.8	Giỏi
182	811836	7	Lưu Gia Hào	13	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
183	811837	7	Ngô Gia Hào	15	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
184	811838	7	Ngô Trí Hào	27	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
185	811839	7	Nguyễn Nhật Hào	17	4	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
186	811840	7	Phan Trần Nhựt Hào	24	9	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
187	811841	7	Thăng Hào	28	5	2005	Hải Phòng	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
188	811842	7	Trần Gia Hào	10	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
189	811843	7	Trương Triền Hào	10	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
190	811844	7	Nguyễn Thị Kim Hào	18	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
191	811845	7	Bùi Gia Hân	4	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
192	811846	7	Châu Khả Hân	6	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
193	811847	7	Giang Gia Hân	29	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
194	811848	7	Huỳnh Thị Ngọc Hân	7	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
195	811849	7	La Bảo Hân	25	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
196	811850	7	Long Thúy Hân	25	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
197	811851	8	Lữ Gia Hân	31	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
198	811852	8	Lý Hồng Hân	2	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
199	811853	8	Lý Lệ Hân	29	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
200	811854	8	Lý Thục Hân	12	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
201	811855	8	Nguyễn Đặng Gia Hân	13	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
202	811856	8	Nguyễn Gia Hân	9	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
203	811857	8	Nguyễn Ngọc Hân	11	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
204	811858	8	Phạm Ngọc Hân	7	11	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
205	811859	8	Phạm Thụy Ngọc Hân	9	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
206	811860	8	Phan Thùy Hân	19	6	2005	Bình Phước	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
207	811861	8	Trần Bảo Hân	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
208	811862	8	Trần Nguyễn Ngọc Hân	27	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
209	811863	8	Vũ Nguyễn Bảo Hân	8	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
210	811864	8	Xà Gia Hân	23	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.4	Trung bình
211	811865	8	Bạch Định Hiền	5	11	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
212	811866	8	Lâm Mỹ Hiền	11	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
213	811867	8	Lê Tâm Hiền	29	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
214	811868	8	Trần Thanh Hiền	15	10	2005	Trà Vinh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
215	811869	8	Lương Nguyễn Phụng Hiệp	1	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
216	811870	8	Bùi Ngọc Hiếu	10	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
217	811871	8	Lại Nguyễn Trung Hiếu	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
218	811872	8	Nguyễn Trung Hiếu	7	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
219	811873	8	Phạm Trung Hiếu	12	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
220	811874	8	Phạm Trung Hiếu	26	2	2005	Hải Phòng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
221	811875	8	Võ Minh Hiếu	26	3	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
222	811876	8	Nguyễn Trương Ngân Hoa	20	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
223	811877	8	Tạ Hữu Quỳnh Hoa	18	10	2005	Bình Định	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
224	811878	8	Trần Lâm Hoa	23	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
225	811879	9	Bùi Xuân Hòa	26	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
226	811880	9	Trần Nguyên Hòa	22	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
227	811881	9	Bùi Huy Hoàng	27	4	2005	Vĩnh Phúc	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
228	811882	9	Lê Hoàng	20	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
229	811883	9	Nguyễn Huy Hoàng	11	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
230	811884	9	Nguyễn Thanh Hoàng	18	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
231	811885	9	Nguyễn Tử Hoàng	7	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
232	811886	9	Võ Xuân Hoàng	20	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
233	811887	9	Đặng Triền Hoàng	16	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
234	811888	9	Phan Lê Thiên Hồng	29	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
235	811889	9	Nguyễn Công Huân	27	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
236	811890	9	Lương Khả Huệ	30	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
237	811891	9	Bùi Văn Hùng	3	5	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
238	811892	9	Đỗ Đại Hùng	15	8	2005	Ninh Thuận	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
239	811893	9	Lê Hoàng Hùng	17	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
240	811894	9	Lê Phước Việt Hùng	29	1	2005	Đà Nẵng	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
241	811895	9	Nghiêm Cao Hùng	5	9	2004	Hưng Yên	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
242	811896	9	Bùi Đình Huy	13	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
243	811897	9	Chí Viễn Huy	30	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
244	811898	9	Dương Gia Huy	1	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
245	811899	9	Đỗ Nguyễn Nhật Huy	15	8	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
246	811900	9	Đỗ Tuấn Huy	9	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
247	811901	9	Hồ Nguyễn Minh Huy	7	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
248	811902	9	Lý Minh Huy	22	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
249	811903	9	Mạch Vĩ Huy	4	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
250	811904	9	Ngô Anh Huy	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
251	811905	9	Nguyễn Đình Huy	13	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
252	811906	9	Nguyễn Gia Huy	16	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
253	811907	10	Nguyễn Hoàng Hà Huy	9	12	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
254	811908	10	Nguyễn Minh Huy	10	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
255	811909	10	Nguyễn Minh Huy	26	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
256	811910	10	Nguyễn Quang Huy	2	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
257	811911	10	Nguyễn Quốc Huy	10	11	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
258	811912	10	Nguyễn Thành Huy	23	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
259	811913	10	Nguyễn Võ Nhật Huy	9	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
260	811914	10	Phạm Huy	16	11	2005	Đắk Lắk	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
261	811915	10	Sú Thế Huy	20	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
262	811916	10	Thân Đức Anh Huy	12	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
263	811917	10	Trần Chấn Huy	12	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.0	Trung bình
264	811918	10	Trần Đức Huy	18	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
265	811919	10	Trần Gia Huy	22	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
266	811920	10	Trần Thanh Huy	9	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
267	811921	10	Trương Đăng Huy	24	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
268	811922	10	Võ Quốc Huy	17	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
269	811923	10	Vương Đức Huy	13	5	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
270	811924	10	Cao Phương Huyền	23	6	2005	Hà Nội	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
271	811925	10	Phan Nguyễn Khánh Huỳnh	26	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
272	811926	10	Huỳnh Thuận Hưng	25	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
273	811927	10	Lâm Tuấn Hưng	15	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
274	811928	10	Lâm Vĩnh Hưng	15	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
275	811929	10	Lư Thuận Hưng	10	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
276	811930	10	Nguyễn Phúc Quang Hưng	3	7	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
277	811931	10	Phạm Việt Hưng	24	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
278	811932	10	Trần Giai Hy	6	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
279	811933	10	Nguyễn Bảo Kha	8	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
280	811934	10	Nguyễn Lữ Minh Kha	11	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
281	811935	11	Nguyễn Đức Khải	13	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
282	811936	11	Bùi Vĩnh Khang	8	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
283	811937	11	Hồng Phúc Khang	15	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
284	811938	11	Lê Trương Duy Khang	25	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
285	811939	11	Nguyễn Duy Khang	23	6	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
286	811940	11	Nguyễn Dương Phúc Khang	21	1	2005		Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
287	811941	11	Nguyễn Hoàng Khang	9	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
288	811942	11	Nguyễn Võ Huy Khang	1	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
289	811943	11	Phạm Phú Khang	4	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
290	811944	11	Phạm Trần Nguyên Khang	13	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
291	811945	11	Phan Nguyễn Quốc Khang	4	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
292	811946	11	Tạ Vĩnh Khang	2	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
293	811947	11	Trần Nguyên Khang	9	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
294	811948	11	Vũ Minh Khang	1	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
295	811949	11	Trần Nguyễn Bảo Khanh	24	10	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
296	811950	11	Trần Việt Uyên Khanh	24	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
297	811951	11	Lê Duy Khánh	25	11	2005	Phú Thọ	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
298	811952	11	Lê Nam Khánh	29	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
299	811953	11	Mai Thị Vân Khánh	24	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
300	811954	11	Ngô Châu Gia Khánh	2	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
301	811955	11	Nguyễn Hồ Minh Khánh	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
302	811956	11	Phạm Gia Khánh	18	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
303	811957	11	Phạm Kim Khánh	10	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
304	811958	11	Lê Hà Đăng Khoa	11	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
305	811959	11	Lưu Hồ Anh Khoa	18	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	Vắng	
306	811960	11	Ngô Đăng Khoa	13	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
307	811961	11	Nguyễn Anh Khoa	4	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
308	811962	11	Nguyễn Duy Đăng Khoa	23	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
309	811963	12	Nguyễn Đăng Khoa	3	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
310	811964	12	Nguyễn Đức Anh Khoa	15	8	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
311	811965	12	Nguyễn Nhân Khoa	23	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
312	811966	12	Nguyễn Tấn Khoa	24	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
313	811967	12	Phạm Đăng Khoa	12	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
314	811968	12	Trần Đăng Khoa	25	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
315	811969	12	Trần Đăng Khoa	8	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
316	811970	12	Trần Hoàng Đăng Khoa	25	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
317	811971	12	Trần Minh Khoa	26	10	2005	Long An	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
318	811972	12	Trần Minh Khoa	30	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
319	811973	12	Bùi Nguyễn Minh Khôi	16	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình
320	811974	12	Đặng Minh Khôi	10	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
321	811975	12	Đinh Nhật Minh Khôi	19	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
322	811976	12	Huỳnh Bá Khôi	4	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
323	811977	12	Lê Minh Khôi	17	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
324	811978	12	Nguyễn Lê Minh Khôi	1	10	2005	Cần Thơ	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
325	811979	12	Nguyễn Quỳnh Mai Khôi	10	10	2005	Đà Nẵng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
326	811980	12	Phạm Lê Anh Khôi	11	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
327	811981	12	Võ Anh Khôi	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
328	811982	12	Phan Công Duy Khương	1	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
329	811983	12	Huỳnh Ngọc Kiêm	14	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
330	811984	12	Huỳnh Trâm Kiên	23	5	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
331	811985	12	Phạm Trung Kiên	16	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
332	811986	12	Hồ Gia Kiện	17	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
333	811987	12	Tăng Gia Kiện	10	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
334	811988	12	Âu Tuấn Kiệt	9	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
335	811989	12	Cao Xuân Kiệt	5	1	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
336	811990	12	Đỗ Anh Kiệt	8	3	2005	Quảng Nam	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
337	811991	13	Hồ Lữ Anh Kiệt	15	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
338	811992	13	Huỳnh Dương Anh Kiệt	5	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
339	811993	13	Huỳnh Nguyễn Tuấn Kiệt	10	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
340	811994	13	Lưu Vĩnh Kiệt	1	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
341	811995	13	Nguyễn Anh Kiệt	4	11	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
342	811996	13	Nguyễn Tấn Anh Kiệt	7	8	2005	Quảng Nam	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
343	811997	13	Phạm Gia Kiệt	27	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
344	811998	13	Phạm Minh Kiệt	9	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
345	811999	13	Phùng Chanh Kiệt	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
346	812000	13	Phùng Tuấn Kiệt	7	2	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
347	812001	13	Huỳnh Ngọc Thiên Kim	30	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
348	812002	13	Lê Thiện Thiên Kim	1	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
349	812003	13	Nghiêm Gia Kỳ	10	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
350	812004	13	Trần Gia Lạc	1	10	2005	Kiên Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
351	812005	13	Huỳnh Hoàng Huy Lam	8	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
352	812006	13	Nguyễn Thị Phương Lam	10	7	2005	Hậu Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
353	812007	13	Huỳnh Phan Yến Lan	11	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
354	812008	13	Đào Ngọc Lâm	8	9	2005	Đồng Nai	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
355	812009	13	Giang Huệ Lâm	1	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
356	812010	13	Nguyễn Sơn Lâm	6	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
357	812011	13	Phan Vương Cao Lâm	26	9	2005	Hà Nội	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
358	812012	13	Trần Tùng Lâm	16	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
359	812013	13	Triệu Phú Lâm	10	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
360	812014	13	Từ Hy Lâm	20	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
361	812015	13	Trần Phước Lên	19	9	2005	Vĩnh Long	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
362	812016	13	Phan Phúc Liêm	16	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
363	812017	13	Trần Tiến Thanh Liêm	16	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
364	812018	13	Âu Gia Linh	8	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
365	812019	14	Huỳnh Huệ Linh	30	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
366	812020	14	Lê Đoàn Khánh Linh	29	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
367	812021	14	Lê Ngọc Phương Linh	17	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
368	812022	14	Liu Mỹ Linh	18	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
369	812023	14	Lý Mỹ Linh	2	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
370	812024	14	Nguyễn Yến Linh	29	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
371	812025	14	Nin Bội Linh	15	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
372	812026	14	Phạm Nhật Linh	4	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
373	812027	14	Tân Hồng Trúc Linh	6	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
374	812028	14	Thái Xảo Linh	15	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
375	812029	14	Tổng Khánh Linh	11	3	2005	Đắk Nông	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
376	812030	14	Trần Gia Linh	29	1	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
377	812031	14	Văn Thụy Trúc Linh	29	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
378	812032	14	Lâm Bội Loan	20	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
379	812033	14	Tân Hồng Trúc Loan	6	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
380	812034	14	Châu Gia Long	25	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
381	812035	14	Lưu Vân Long	26	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
382	812036	14	Nguyễn Hoàng Long	17	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
383	812037	14	Nguyễn Hồng Bảo Long	27	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
384	812038	14	Quách Quý Long	5	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
385	812039	14	Trịnh Hoàng Long	13	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
386	812040	14	Từ Vĩ Long	6	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
387	812041	14	Võ Hoàng Long	15	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
388	812042	14	Chung Minh Lộc	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
389	812043	14	Đỗ Phạm Minh Lộc	19	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
390	812044	14	Ngô Minh Hữu Lộc	26	2	2005	Đồng Tháp	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
391	812045	14	Nguyễn Tấn Lộc	2	11	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
392	812046	14	Nguyễn Vũ Minh Lộc	12	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
393	812047	15	Võ Nguyễn Nguyên Lộc	8	4	2005	Phú Yên	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
394	812048	15	Huỳnh Hữu Lợi	4	9	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
395	812049	15	Nguyễn Gia Lợi	20	2	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
396	812050	15	Nguyễn Lê Hoàng Lợi	15	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
397	812051	15	Nguyễn Thành Lợi	12	8	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
398	812052	15	Nguyễn Thành Luân	6	10	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
399	812053	15	Vương Hiệp Luân	18	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
400	812054	15	Trần Gia Ly	4	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
401	812055	15	Nguyễn Lê Hải Lý	29	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
402	812056	15	Đái Phương Mai	18	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
403	812057	15	Hồ Khánh Mai	12	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
404	812058	15	Trương Phương Mai	30	8	2005	Bình Dương	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
405	812059	15	Thang Kim Mẫn	3	7	2005	An Giang	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
406	812060	15	Huỳnh Duy Mẫn	27	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
407	812061	15	Lâm Gia Mẫn	29	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	10.0	Giỏi
408	812062	15	Mã Trần Minh Mẫn	6	4	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
409	812063	15	Dương Thuận Mi	14	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
410	812064	15	Lương Thảo Mi	16	3	2005	Bình Phước	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
411	812065	15	Lý Xuân Mi	14	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
412	812066	15	Đoàn Quang Minh	11	9	2005	Quảng Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
413	812067	15	Lâm Nhuận Minh	7	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
414	812068	15	Lê Hoàng Nhã Minh	13	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
415	812069	15	Lý Chấn Minh	11	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
416	812070	15	Nguyễn Gia Minh	25	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
417	812071	15	Nguyễn Hải Minh	16	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
418	812072	15	Nguyễn Quang Minh	18	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
419	812073	15	Trịnh Quang Minh	4	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
420	812074	15	Võ Đức Minh	9	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
421	812075	16	Đinh Nguyễn Trà My	19	11	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
422	812076	16	Huỳnh Khải My	3	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
423	812077	16	Lưu Tú My	9	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
424	812078	16	Nguyễn Lê Kiều My	29	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
425	812079	16	Phạm Nguyễn Hà My	8	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
426	812080	16	Trần Tú My	6	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
427	812081	16	Lâm Thanh Mỹ	21	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
428	812082	16	Lê Thiện Hoàn Mỹ	1	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
429	812083	16	Cao Hoàng Nhật Nam	11	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
430	812084	16	Đặng Hoàng Nam	10	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
431	812085	16	Hồ Khánh Nam	1	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
432	812086	16	Lê Nam	2	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
433	812087	16	Trần Hào Nam	9	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
434	812088	16	Trần Nhựt Nam	4	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
435	812089	16	Dương Hồ Thúy Nga	27	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
436	812090	16	Lâm Tuyết Nga	15	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
437	812091	16	Nguyễn Phương Nga	27	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
438	812092	16	Diệp Kim Ngân	5	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
439	812093	16	Dương Hồng Ngân	2	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
440	812094	16	Dương Thị Tuyết Ngân	13	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình
441	812095	16	Đinh Huỳnh Bảo Ngân	6	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
442	812096	16	Đỗ Quỳnh Kim Ngân	13	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	5.8	Trung bình
443	812097	16	Hoàng Ngọc Lê Ngân	30	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
444	812098	16	Lê Hoàng Khánh Ngân	6	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
445	812099	16	Lê Ngọc Kim Ngân	16	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
446	812100	16	Lê Thị Bảo Ngân	5	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
447	812101	16	Lê Thiên Ngân	22	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
448	812102	16	Lưu Khánh Ngân	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
449	812103	17	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	12	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
450	812104	17	Nguyễn Hoàng Thanh Ngân	8	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
451	812105	17	Nguyễn Kim Ngân	9	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
452	812106	17	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	11	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
453	812107	17	Nguyễn Ngọc Thiên Ngân	6	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
454	812108	17	Nguyễn Phương Ngân	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
455	812109	17	Nguyễn Thị Kim Ngân	21	5	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
456	812110	17	Phạm Võ Kim Ngân	29	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
457	812111	17	Quách Thanh Ngân	17	12	2005	Kiên Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
458	812112	17	Tô Phụng Ngân	2	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
459	812113	17	Trần Kim Ngân	27	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
460	812114	17	Bành Nguyễn Xuân Nghi	11	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
461	812115	17	Dương Bảo Nghi	27	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
462	812116	17	Ngô Bảo Nghi	12	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
463	812117	17	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	20	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
464	812118	17	Nguyễn Ngô Bảo Nghi	26	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
465	812119	17	Nguyễn Thị Thúy Nghi	2	2	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
466	812120	17	Trần Bảo Nghi	4	11	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
467	812121	17	Trần Vũ Khánh Nghi	16	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
468	812122	17	Từ Khiết Nghi	13	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.8	Giỏi
469	812123	17	Huỳnh Lân Nghĩa	23	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
470	812124	17	Muôn Đức Nghĩa	12	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
471	812125	17	Chềnh Bích Ngọc	1	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
472	812126	17	Đặng Bích Ngọc	14	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
473	812127	17	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	6	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
474	812128	17	Lâm Bảo Ngọc	17	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
475	812129	17	Lê Hoàng Bích Ngọc	13	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
476	812130	17	Lê Hồng Ngọc	14	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
477	812131	18	Nguyễn Bảo Ngọc	5	8	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
478	812132	18	Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	5	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
479	812133	18	Nguyễn Như Ngọc	18	10	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.4	Trung bình
480	812134	18	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	20	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
481	812135	18	Phù Cẩm Ngọc	31	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
482	812136	18	Trần Bảo Ngọc	5	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.4	Trung bình
483	812137	18	Trần Hoàng Ngọc	18	9	2005	Bình Thuận	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
484	812138	18	Trần Ngọc Khánh Ngọc	8	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
485	812139	18	Trần Thụy Như Ngọc	16	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
486	812140	18	Hà Lâm Nguyên	14	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
487	812141	18	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	17	5	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
488	812142	18	Nguyễn Lê Thủy Nguyên	13	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
489	812143	18	Nguyễn Phúc Bảo Nguyên	27	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
490	812144	18	Nguyễn Thanh Kim Nguyên	30	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
491	812145	18	Nguyễn Thành Nguyên	25	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
492	812146	18	Phạm Thị Thảo Nguyên	8	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
493	812147	18	Phan Thảo Nguyên	16	1	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
494	812148	18	Trần Thị Bình Nguyên	30	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
495	812149	18	Lê Thái Nguyễn	9	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
496	812150	18	Nguyễn Lê Minh Nguyệt	17	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
497	812151	18	Phạm Thị Ánh Nguyệt	5	10	2005	Kiên Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
498	812152	18	Dương Phan Nhân	10	4	2005	Quảng Nam	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
499	812153	18	Dương Thiện Nhân	6	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
500	812154	18	Hứa Hoàng Nhật	13	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
501	812155	18	Võ Trần Minh Nhật	22	5	2005	Đắk Lắk	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
502	812156	18	Bùi Vân Nhi	13	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
503	812157	18	Đặng Tuyết Nhi	18	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
504	812158	18	Đoàn Ngọc Yến Nhi	11	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
505	812159	19	Đỗ Hoàng Quỳnh Nhi	20	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
506	812160	19	Hoàng Yến Nhi	15	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.6	Trung bình
507	812161	19	Hứa Trần Bảo Nhi	17	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
508	812162	19	Lê Xuân Nguyệt Nhi	2	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
509	812163	19	Lê Yến Nhi	10	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
510	812164	19	Liêu Ngọc Nhi	6	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
511	812165	19	Ngô Thảo Nhi	17	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
512	812166	19	Nguyễn Hoài Đan Nhi	10	12	2005	Đắk Lắk	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
513	812167	19	Nguyễn Hồng Yến Nhi	14	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
514	812168	19	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	8	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
515	812169	19	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	3	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
516	812170	19	Phạm Hải Nhi	7	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
517	812171	19	Phạm Phan Thị Yến Nhi	26	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
518	812172	19	Thích Thục Nhi	3	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
519	812173	19	Trần Bảo Nhi	25	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
520	812174	19	Trần Lâm Mẫn Nhi	5	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
521	812175	19	Trần Ngọc Phương Nhi	30	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
522	812176	19	Trần Yến Nhi	30	12	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
523	812177	19	Võ Thị Xuân Nhi	18	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
524	812178	19	Mai Đăng Nhiên	24	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
525	812179	19	Lê Thị Hồng Nhung	5	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
526	812180	19	Lư Mỹ Nhung	4	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
527	812181	19	Đinh Tâm Như	6	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
528	812182	19	Huỳnh Dư Quế Như	13	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
529	812183	19	Huỳnh Ngọc Anh Như	10	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
530	812184	19	Huỳnh Tiệp Như	11	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
531	812185	19	Lê Quỳnh Như	15	10	2005	Bạc Liêu	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
532	812186	19	Nguyễn Ngọc Như	25	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
533	812187	20	Nguyễn Quỳnh Như	17	12	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
534	812188	20	Phan Quỳnh Như	29	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
535	812189	20	Phan Ý Như	26	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
536	812190	20	Võ Lê Hạnh Như	21	9	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
537	812191	20	Trương Gia Ninh	24	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
538	812192	20	Liêu Thục Oanh	15	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
539	812193	20	Nguyễn Ngọc Kiều Oanh	14	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
540	812194	20	Phạm Nguyễn Hoàng Oanh	19	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
541	812195	20	Trần Bội Oanh	5	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
542	812196	20	Bùi Quang Phát	21	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
543	812197	20	Bùi Trọng Phát	10	5	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
544	812198	20	Cao Tuấn Phát	28	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
545	812199	20	Châu Đức Phát	30	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
546	812200	20	Châu Hồng Bảo Phát	7	5	2005	An Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
547	812201	20	Huỳnh Lê Thịnh Phát	18	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	Vắng	
548	812202	20	Huỳnh Tấn Phát	27	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
549	812203	20	Huỳnh Vĩ Phát	16	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
550	812204	20	La Dương Phát	7	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
551	812205	20	La Gia Phát	22	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
552	812206	20	Lê Trường Phát	28	2	2005	Quảng Ngãi	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
553	812207	20	Phạm Phú Phát	9	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
554	812208	20	Phạm Văn Vĩnh Phát	3	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
555	812209	20	Phan Huỳnh Tấn Phát	15	10	2005		Nguyễn Hiền	Tin học	6.8	Trung bình
556	812210	20	Phan Tấn Phát	17	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
557	812211	20	Trần Tấn Phát	8	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
558	812212	20	Từ Triệu Phát	1	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
559	812213	20	Nguyễn Hoàng Phi	10	4	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
560	812214	20	Trần Minh Phi	22	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
561	812215	21	Chí Nhiệt Phong	11	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
562	812216	21	Dương Nhiên Phong	17	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
563	812217	21	Lào Vỹ Phong	25	9	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
564	812218	21	Lưu Đạt Phong	11	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.8	Giỏi
565	812219	21	Lưu Triều Phong	21	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
566	812220	21	Ngô Trương Kỳ Phong	19	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
567	812221	21	Nhan Chí Phong	28	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
568	812222	21	Phan Lại Phong	27	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
569	812223	21	Sân Sâu Thanh Phong	8	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
570	812224	21	Nguyễn Thanh Phú	19	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
571	812225	21	Nguyễn Thiên Phú	30	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
572	812226	21	Phạm Tấn Anh Phú	29	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
573	812227	21	Bùi Chân Phúc	8	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
574	812228	21	Dương Hoàng Phúc	30	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
575	812229	21	Hồ Đắc Phúc	22	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
576	812230	21	Hồ Thiên Phúc	11	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
577	812231	21	Ngô Minh Phúc	6	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
578	812232	21	Nguyễn Đình Thiên Phúc	15	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
579	812233	21	Nguyễn Gia Phúc	6	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
580	812234	21	Nguyễn Hoàng Phúc	6	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
581	812235	21	Nguyễn Hoàng Phúc	13	10	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
582	812236	21	Nguyễn Hoàng Phúc	7	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	4.8	Hồng
583	812237	21	Nguyễn Thanh Phúc	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
584	812238	21	Phạm Lê Hồng Phúc	4	9	2005	Quảng Nam	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
585	812239	21	Phan Hồng Phúc	30	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
586	812240	21	Tạ Hoàng Phúc	19	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
587	812241	21	Trương Duy Hữu Phúc	21	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
588	812242	21	Vũ Hồng Ân Phúc	2	10	2003	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.6	Trung bình
589	812243	22	Huỳnh Xuân Phụng	13	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
590	812244	22	Pang Mỹ Phụng	4	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
591	812245	22	Quách Yến Phụng	19	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
592	812246	22	Trần Phi Phụng	16	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
593	812247	22	Vương Kim Phụng	13	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
594	812248	22	Nguyễn Hữu Phước	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
595	812249	22	Đinh Thị Bích Phương	12	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.8	Giỏi
596	812250	22	Hà Mỹ Phương	26	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
597	812251	22	Lê Anh Phương	9	12	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
598	812252	22	Nguyễn Cao Phương	13	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
599	812253	22	Nguyễn Hoài Phương	31	3	2005	Hải Dương	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
600	812254	22	Nguyễn Hữu Nam Phương	22	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
601	812255	22	Nguyễn Thị Hà Phương	26	6	2005	Tiền Giang	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
602	812256	22	Nguyễn Trần Mỹ Phương	30	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
603	812257	22	Phạm Như Phương	4	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
604	812258	22	Tăng Nguyễn Linh Phương	29	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
605	812259	22	Thái Ngọc Nam Phương	28	1	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
606	812260	22	Trần Mai Phương	5	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
607	812261	22	Phạm Hoàng Đan Phương	3	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
608	812262	22	Lê Hữu Minh Quang	1	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
609	812263	22	Ngô Vĩnh Quang	19	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
610	812264	22	Nguyễn Minh Thiện Quang	10	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
611	812265	22	Phạm Minh Quang	22	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
612	812266	22	Thạch Bảo Quang	10	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
613	812267	22	Trần Bảo Quang	28	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.0	Khá
614	812268	22	Chênh Tiên Quân	13	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
615	812269	22	Đinh Bội Quân	5	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
616	812270	22	Đỗ Minh Quân	18	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
617	812271	23	Hoàng Anh Quân	22	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
618	812272	23	Lê Mạnh Quân	19	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
619	812273	23	Minh Mỹ Quân	17	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
620	812274	23	Phạm Đức Minh Quân	29	1	2005	Đồng Nai	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
621	812275	23	Trần Bội Quân	12	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
622	812276	23	Trần Hải Quân	23	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
623	812277	23	Trần Tỷ Quân	12	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
624	812278	23	Võ Minh Quân	15	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
625	812279	23	Vũ Hoàng Minh Quân	17	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
626	812280	23	Nguyễn Thị Hồng Quế	6	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
627	812281	23	Hoàng Anh Quốc	29	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
628	812282	23	Trịnh Kiến Quốc	10	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
629	812283	23	Nguyễn Kim Quy	14	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
630	812284	23	Lênh Phúc Quý	24	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
631	812285	23	Ông Hiền Quý	15	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
632	812286	23	Trần Đức Quý	7	1	2005	Bạc Liêu	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
633	812287	23	Trần Tường Quý	14	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
634	812288	23	Lâm Tú Quyên	23	12	2005	Bạc Liêu	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
635	812289	23	Lê Trần Mỹ Quyên	15	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
636	812290	23	Nguyễn Trần Cát Quyên	18	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
637	812291	23	Phan Nguyễn Tú Quyên	30	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
638	812292	23	Trần Tú Quyên	15	10	2005	Hải Phòng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
639	812293	23	Đặng Như Quỳnh	12	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
640	812294	23	Hà Mỹ Quỳnh	15	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
641	812295	23	Hoàng Cao Khánh Quỳnh	14	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
642	812296	23	Huỳnh Thị Xuân Quỳnh	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.2	Trung bình
643	812297	23	Phạm Thúy Quỳnh	29	6	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
644	812298	23	Phan Thụy Như Quỳnh	29	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
645	812299	24	Trần Vi Sa	19	10	2005	Quảng Ngãi	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
646	812300	24	Nguyễn Dương Bồi San	7	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
647	812301	24	Trần Mỹ San	9	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
648	812302	24	Nguyễn Trần Minh Sang	4	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
649	812303	24	Hoàng Lê Vinh Sơn	21	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.8	Giỏi
650	812304	24	Huỳnh Đức Sơn	4	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
651	812305	24	Lâm Trần Sơn	18	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
652	812306	24	Trần Hoàng Sơn	7	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
653	812307	24	Huỳnh Lâm Sung	7	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
654	812308	24	Hồ Tấn Hữu Tài	27	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
655	812309	24	Huỳnh Lưu Hữu Tài	28	12	2005	Đồng Tháp	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
656	812310	24	Huỳnh Sanh Tài	18	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
657	812311	24	Nguyễn Ngọc Tài	15	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
658	812312	24	Nguyễn Tấn Tài	2	11	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
659	812313	24	Trần Thái Tài	20	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.8	Giỏi
660	812314	24	La Thanh Tâm	10	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
661	812315	24	Lê Minh Tâm	12	2	2005	Bình Phước	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
662	812316	24	Lê Minh Tâm	8	3	2005	Thừa Thiên Huế	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
663	812317	24	Lương Kiệt Tâm	18	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
664	812318	24	Mai Thanh Tâm	2	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
665	812319	24	Nguyễn Đặng Minh Tâm	10	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
666	812320	24	Phạm Hồ Đức Tâm	23	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
667	812321	24	Võ Thanh Tâm	29	10	2005	Bình Định	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
668	812322	24	Đặng Đoàn Minh Tân	26	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
669	812323	24	Hoàng Nhật Tân	28	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
670	812324	24	Lê Hoàng Tân	20	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
671	812325	24	Trần Nguyễn Duy Tấn	18	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
672	812326	24	Lý Trường Thái	21	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
673	812327	25	Ngô Thái Thanh	20	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
674	812328	25	Nguyễn Ái Thanh	13	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
675	812329	25	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	28	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
676	812330	25	Phùng Tuyết Thanh	25	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
677	812331	25	Trần Nguyễn Minh Thanh	27	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
678	812332	25	Bành Trường Thành	30	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
679	812333	25	Dương Gia Thành	19	11	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
680	812334	25	Đoàn Hữu Quang Thành	20	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
681	812335	25	Huỳnh Gia Thành	1	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
682	812336	25	Lư Vĩnh Thành	25	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
683	812337	25	Lư Vĩnh Thành	11	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
684	812338	25	Nguyễn Đức Thành	7	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
685	812339	25	Trương Nguyễn Việt Thành	7	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
686	812340	25	Hồ Lê Thanh Thảo	12	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
687	812341	25	Phạm Kim Thảo	1	4	2005	Quảng Nam	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
688	812342	25	Phạm Lê Xuân Thảo	23	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	6.6	Trung bình
689	812343	25	Phạm Thanh Thảo	19	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	5.8	Trung bình
690	812344	25	Phan Ngọc Như Thảo	17	1	2005	Đồng Tháp	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
691	812345	25	Phan Thị Thanh Thảo	2	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
692	812346	25	Trương Lan Phương Thảo	6	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
693	812347	25	Giang Triều Thắng	3	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
694	812348	25	Nguyễn Văn Thắng	1	1	2005	Long An	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
695	812349	25	Bạch Hồ Gia Thế	25	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
696	812350	25	Lê Hiếu Thiên	12	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
697	812351	25	Lưu Trần Thiên	11	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
698	812352	25	Phạm Bảo Thiên	20	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
699	812353	25	Bùi Hưng Thịnh	23	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
700	812354	25	Đỗ Minh Thịnh	6	10	2005	Thanh Hóa	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
701	812355	26	Huỳnh Tiến Thịnh	19	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
702	812356	26	Lưu Tôn Thịnh	15	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.8	Giỏi
703	812357	26	Nguyễn Hải Thịnh	30	10	2005	Cà Mau	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
704	812358	26	Nguyễn Ngô Quốc Thịnh	12	1	2005	Mỹ	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
705	812359	26	Nguyễn Phúc Thịnh	25	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
706	812360	26	Nguyễn Quốc Thịnh	1	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
707	812361	26	Nguyễn Quốc Thịnh	3	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
708	812362	26	Nguyễn Trương Tiến Thịnh	28	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
709	812363	26	Nguyễn Việt Thịnh	8	12	2005	Khánh Hòa	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
710	812364	26	Thái Quốc Thịnh	2	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
711	812365	26	Trần Thọ	18	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
712	812366	26	Thái Hoàng Gia Thoại	1	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
713	812367	26	Nguyễn Minh Thuận	10	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
714	812368	26	Trần Lương Vĩnh Thuận	26	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
715	812369	26	Trịnh Chấn Thuận	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
716	812370	26	Hứa Ngọc Thủy	7	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
717	812371	26	Nguyễn Đại Minh Thủy	12	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
718	812372	26	Huỳnh Ngọc Thuyền	13	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
719	812373	26	Đào Lâm Minh Thư	19	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
720	812374	26	Đinh Hoàng Anh Thư	18	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
721	812375	26	Đỗ Nguyễn Anh Thư	30	8	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
722	812376	26	Huỳnh Thị Ngọc Anh Thư	11	8	2004	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
723	812377	26	Lư Thị Minh Thư	9	8	2005	Quảng Ngãi	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
724	812378	26	Lưu Nguyễn Thuần Thư	17	3	2005	Bình Thuận	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
725	812379	26	Ngô Ngọc Anh Thư	7	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
726	812380	26	Nguyễn Lê Anh Thư	11	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
727	812381	26	Nguyễn Lê Minh Thư	20	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình
728	812382	26	Nguyễn Minh Thư	1	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
729	812383	27	Nguyễn Minh Thư	26	5	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
730	812384	27	Nguyễn Minh Thư	16	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
731	812385	27	Nguyễn Ngọc Minh Thư	25	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
732	812386	27	Nguyễn Thụy Anh Thư	1	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
733	812387	27	Nguyễn Võ Anh Thư	10	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
734	812388	27	Phạm Hoài Minh Thư	12	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
735	812389	27	Trần Lê Anh Thư	6	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
736	812390	27	Trần Lê Minh Thư	4	1	2006	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
769	812423	28	Nguyễn Thùy Trang	7	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
770	812424	28	Quang Minh Thùy Trang	7	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
771	812425	28	Trần Thu Trang	9	9	2005	Khánh Hòa	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
772	812426	28	Bùi Thị Bảo Trâm	1	1	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
773	812427	28	Đặng Ngọc Trâm	11	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
774	812428	28	Huỳnh Ngọc Trâm	1	2	2005	Long An	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
775	812429	28	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	25	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
776	812430	28	Nguyễn Ngọc Tú Trâm	8	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
777	812431	28	Dương Mỹ Trân	14	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
778	812432	28	Trần Bảo Trân	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
779	812433	28	Trần Hoàng Bảo Trân	7	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
780	812434	28	Võ Lưu Huyền Trân	23	3	2005	Bình Thuận	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
781	812435	28	Lê Đình Trí	18	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
782	812436	28	Nguyễn Quách Minh Trí	4	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
783	812437	28	Nguyễn Thành Trí	11	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
784	812438	28	Phạm Minh Trí	17	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
785	812439	29	Phạm Thái Minh Trí	3	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
786	812440	29	Trần Gia Trí	8	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
787	812441	29	Trần Trọng Nhân Trí	21	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
788	812442	29	Võ Minh Trị	24	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
789	812443	29	Đặng Tông Triền	15	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
790	812444	29	Nguyễn Minh Triết	31	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
791	812445	29	Phan Minh Triết	19	1	2005	Phú Yên	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
792	812446	29	Trần Minh Triết	10	8	2005	Kiên Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
793	812447	29	Lạc Tuyết Trinh	20	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
794	812448	29	Nguyễn Thị Bạch Trinh	1	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
795	812449	29	Phạm Thụy Ngọc Trinh	4	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
796	812450	29	Vũ Thị Ngọc Trinh	6	9	2005	Bình Phước	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
797	812451	29	Ngô Nguyễn Đăng Trình	22	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
798	812452	29	Nguyễn Huỳnh Đông Trúc	24	10	2005	Tây Ninh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
799	812453	29	Trần Ngọc Thanh Trúc	30	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
800	812454	29	Châu Thế Trung	11	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
801	812455	29	Nguyễn Hiếu Trung	1	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.6	Giỏi
802	812456	29	Nguyễn Khắc Trung	26	1	2005	Lâm Đồng	Nguyễn Hiền	Tin học	Vắng	
803	812457	29	Nguyễn Thành Trung	3	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
804	812458	29	Phan Minh Trung	13	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
805	812459	29	Trần Lê Trung	3	7	2005	An Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
806	812460	29	Vũ Hoàng Trung	9	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
807	812461	29	Vũ Xuân Trường	5	7	2005	Hải Phòng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
808	812462	29	Huỳnh Văn Tú	13	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.0	Giỏi
809	812463	29	Phạm Lê Anh Tú	15	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
810	812464	29	Bành Tuấn	21	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi
811	812465	29	Châu Thiệu Tuấn	5	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
812	812466	29	Đặng Huỳnh Quốc Tuấn	12	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
813	812467	30	Nguyễn Ngọc Tuấn	25	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
814	812468	30	Phạm Anh Tuấn	17	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
815	812469	30	Phan Ngọc Tuấn	6	1	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
816	812470	30	Tăng Nghiệp Tuấn	11	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
817	812471	30	Trần Minh Tuấn	14	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
818	812472	30	Trần Viên Tuấn	28	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
819	812473	30	Khuất Hoàng Tùng	15	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.4	Giỏi
820	812474	30	Trần Thanh Tùng	28	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
821	812475	30	Vương Kim Tuyền	20	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
822	812476	30	Nguyễn Lê Phương Tuyền	13	2	2005	An Giang	Nguyễn Hiền	Tin học	6.4	Trung bình
823	812477	30	Nguyễn Gia Cát Tường	26	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
824	812478	30	Cao Vũ Thùy Uyên	18	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
825	812479	30	Châu Phương Uyên	20	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
826	812480	30	Dương Bá Linh Uyên	19	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
827	812481	30	Dương Phương Uyên	30	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
828	812482	30	Đinh Huỳnh Lan Uyên	15	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
829	812483	30	Huỳnh Như Trà Uyên	20	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
830	812484	30	Lê Lý Minh Uyên	24	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
831	812485	30	Lê Trần Phương Uyên	5	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.8	Khá
832	812486	30	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	9	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.6	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
833	812487	30	Nguyễn Phương Uyên	20	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
834	812488	30	Nguyễn Thanh Hải Uyên	24	4	2005	Đồng Nai	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
835	812489	30	Phùng Bảo Uyên	6	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.0	Khá
836	812490	30	Trần Hải Uyên	23	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.6	Khá
837	812491	30	Trần Mỹ Uyên	17	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
838	812492	30	Trần Phương Uyên	7	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.6	Trung bình
839	812493	30	Văn Ngọc Phương Uyên	25	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
840	812494	30	Dương Khải Văn	26	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
841	812495	31	Nguyễn Hưng Văn	4	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
842	812496	31	Trịnh Khải Văn	14	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
843	812497	31	Vương Ái Văn	2	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.4	Giỏi
844	812498	31	Châu Giang Bảo Vân	4	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.8	Trung bình
845	812499	31	Lê Nguyễn Tường Vân	23	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
846	812500	31	Nguyễn Thị Tuyết Vân	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.6	Khá
847	812501	31	Lê Ngọc Tường Vi	31	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
848	812502	31	La Gia Vĩ	26	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
849	812503	31	Huỳnh Lê Minh Việt	27	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
850	812504	31	Nguyễn Hoàng Việt	12	8	2005	An Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi
851	812505	31	Nguyễn Hoàng Việt	14	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
852	812506	31	Trương Minh Việt	8	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
853	812507	31	Vũ Chí Hoàng Việt	5	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
854	812508	31	Nguyễn Thế Vinh	15	5	2005	Tiền Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình
855	812509	31	Phan Nhất Vinh	20	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
856	812510	31	Trần Chí Vinh	28	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.8	Khá
857	812511	31	Vưu Đăng Vinh	26	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.8	Khá
858	812512	31	Cao Hoàng Vũ	29	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
859	812513	31	Đình Văn Hoàng Vũ	22	9	2005	Ninh Bình	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
860	812514	31	Nguyễn Anh Vũ	21	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
861	812515	31	Nguyễn Thanh Nhật Vũ	21	10	2005	Tây Ninh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
862	812516	31	Trần Hoài Vũ	12	4	2005	Bến Tre	Trương Vĩnh Ký	Tin học	5.8	Trung bình
863	812517	31	Trần Thiên Vũ	13	3	2005	Bình Thuận	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.2	Khá
864	812518	31	Dương Bảo Vy	27	2	2005	Hải Dương	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm					
865	812519	31	Huỳnh Ái Vy	15	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
866	812520	31	Huỳnh Ngọc Khánh Vy	26	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.6	Khá
867	812521	31	Huỳnh Nguyễn Tường Vy	4	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.2	Khá
868	812522	31	Lương Ngọc Khánh Vy	22	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.2	Khá
869	812523	32	Lương Tường Vy	18	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	9.2	Giỏi
870	812524	32	Nguyễn Thị Bảo Vy	9	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.6	Khá
871	812525	32	Nguyễn Tường Vy	17	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.2	Khá
872	812526	32	Phạm Thanh Vy	25	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
873	812527	32	Phạm Trần Thảo Vy	2	10	2005	Lâm Đồng	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.4	Trung bình
874	812528	32	Trần Ngọc Mai Vy	2	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
875	812529	32	Trần Thúy Vy	11	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	8.4	Khá
876	812530	32	Trương Vũ Yến Vy	25	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
877	812531	32	Võ Trương Quỳnh Vy	19	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.0	Giỏi
878	812532	32	Lê Thanh Triệu Vy	10	12	2005	Đắk Lắk	Trương Vĩnh Ký	Tin học	6.2	Trung bình
879	812533	32	Nguyễn Thị Trúc Xinh	11	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.4	Khá
880	812534	32	Lưu Hiểu Xuân	21	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	7.8	Khá
881	812535	32	Nguyễn Thị Y Y	26	2	2005	Hậu Giang	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
882	812536	32	Trần Nguyễn Như Ý	13	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.0	Khá
883	812537	32	Nguyễn Đào Tình Yên	16	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.0	Khá
884	812538	32	Bùi Hải Yến	30	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	8.4	Khá
885	812539	32	Giang Kim Yến	23	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	Vắng	
886	812540	32	Lê Thị Như Yến	1	10	2005	Đồng Tháp	Trương Vĩnh Ký	Tin học	7.4	Khá
887	812541	32	Lữ Gia Yến	31	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hiền	Tin học	Vắng	
888	812542	32	Trần Thị Ngọc Yến	3	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trương Vĩnh Ký	Tin học	9.2	Giỏi

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	888
- Số thí sinh dự thi:	883
- Số thí sinh vắng:	5
- Số thí sinh hỏng:	1
- Số thí sinh đạt:	882
+ Xếp loại Giỏi:	133

Số TT	SBD	Phòng thi	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi	Xếp loại
			Ngày	Thg	Năm					

Nguyễn Bảo Quốc

+ Xếp loại Khá: 662

+ Xếp loại Trung bình: 87

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG BAN CHẤM THI

(Đã ký)

Lê Duy Tân